

ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO Ở KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NHÌN TỪ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỬU LONG

Trần Văn Thận^{1*}

TÓM TẮT

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long từ góc độ Trường Đại học Cửu Long nhất là đào tạo trình độ từ nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực kinh tế kỹ thuật xây dựng, quản lý đô thị - môi trường, công nghệ thực phẩm, văn học Việt Nam, Tài chính – ngân hàng, quản trị kinh doanh, mặt khác tiếp tục có các giải pháp đột phá để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao các ngành khác để phục vụ cho xã hội, cộng đồng và là nền tảng phát triển văn hóa, xã hội địa phương. Đặc biệt trong thời đại ngày nay cùng với sự phát triển nhanh chóng của cách mạng khoa học và công nghệ 4.0, nguồn nhân lực chất lượng cao trở thành nhân tố đặc biệt quan trọng tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia trong quá trình phát triển. Không những thế thể hiện rõ vai trò to lớn của nguồn nhân lực chất lượng cao đối với quá trình phát triển kinh tế xã hội, hội nhập quốc tế và bảo vệ môi trường của mọi quốc gia.

Từ khóa: nguồn nhân lực chất lượng từ góc độ Trường Đại học Cửu Long

ABSTRACT

In order to improve the quality of training high-quality human resources in the Mekong Delta region from the perspective of Cuu Long University, especially training qualifications from high-quality human resources in the fields of construction economics and engineering, urban and environmental management, food technology, Vietnamese literature, finance - banking, business administration, on the other hand, continue to have breakthrough solutions to improve the quality of training high-quality human resources in other fields to serve society, community and be the foundation for local cultural and social development. Especially in today's era, with the rapid development of the 4.0 scientific and technological revolution, high-quality human resources have become a particularly important factor creating the strength of each country in the development process. Not only that, it clearly demonstrates the great role of high-quality human resources in the process of socio-economic development, international integration and environmental protection of every country.

Keywords: Quality human resources from the perspective of Cuu Long University

¹. Trường Đại học Cửu Long

* Người chịu trách nhiệm bài viết: Trần Văn Thận (Email: tranvanthan@mku.edu.vn)

1/ Về khái niệm nguồn nhân lực chất lượng cao

Theo định nghĩa của Liên hiệp quốc, “Nguồn nhân lực là trình độ lành nghề, là kiến thức, là năng lực của toàn bộ cuộc sống con người hiện có thực tế hoặc tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội trong một cộng đồng”.

Hiện nay, có rất nhiều khái niệm về nguồn nhân lực chất lượng cao, ở nước ta lần đầu tiên thuật ngữ nguồn nhân lực chất lượng cao xuất hiện đó là trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X khẳng định: “Phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là chuyên gia đầu ngành”. Nó đã thể hiện rằng trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực Việt Nam có những điểm mới trong đó tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xem đó là bước đột phá nhằm sớm đưa nước ta thoát ra khỏi tình trạng kém phát triển, đồng thời tạo sự phát triển nhanh, đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế.

Nguồn nhân lực chất lượng cao là khái niệm chỉ người lao động có sức khỏe thể chất, tinh thần tốt; có trình độ tay nghề cao, khả năng lao động giỏi và kỹ năng chuyên môn tốt trong nghề; có những phẩm chất xã hội tốt đẹp, như tinh thần nhân văn, tập thể, hòa nhập, thích nghi làm việc trong môi trường đa văn hóa.

2/ Tổng quan đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao

2.1 Các cơ sở pháp lý đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Nghị quyết của Chính phủ số 14/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020 là văn bản pháp mang tính toàn diện, triệt để và sâu sắc, tác động mạnh mẽ đến giáo dục đại học trên cả nước.

- Tại Đại hội XI (năm 2011), Đảng ta nhấn mạnh: “Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững”

- Đại hội XII (năm 2016) của Đảng tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của nguồn nhân lực chất lượng cao, thông qua quan điểm: “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn tới là tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu”

- Kế thừa tinh thần các đại hội trước, Đại hội XIII (năm 2021) của Đảng tiếp tục xác định “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục và đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo”.

2.2 Thực trạng về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao (Thạc sĩ, Tiến sĩ) ở nước ta hiện nay

Thực trạng đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ hiện nay ở nước ta đã được phản ánh khá nhiều trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên các diễn đàn khoa học chuyên ngành. Mục đích

đi học sau đại học của học viên ở Việt Nam là gì? Không thể phủ nhận một điều là đa số học viên đã có quan niệm và thực hiện đúng mục tiêu đào tạo sau đại học, thực sự tiếp thu được nhiều điều mới, nâng cao được kiến thức chuyên môn, và sau khi tốt nghiệp đều đã phát huy, phát triển tốt kiến thức đã học vào công việc hàng ngày của mình. Một số anh chị em phấn đấu không ngừng, tiếp tục tìm tòi, đi sâu nghiên cứu và đã bảo vệ thành công luận án tiến sỹ. Một số đã đi tu nghiệp ở nước ngoài và đã tỏ ra không thua kém người được đào tạo tại nước ngoài. Tuy nhiên, chúng ta phải thừa nhận một tình trạng đáng buồn là mục tiêu đi học, chất lượng đào tạo, chất lượng luận văn đang có những vấn đề khá nghiêm trọng. Hiện nay, nhu cầu đi học sau đại học để lấy tấm bằng thạc sỹ và tiến sỹ của nhiều người ngày càng tăng. Đó là điều đáng mừng. Tuy nhiên, đối với một số người các văn bằng sau đại học “hấp dẫn” chủ yếu đang chỉ bởi tư cách là “giấy thông hành” bắt buộc cho sự thăng tiến. Cũng rất đáng tiếc là số người dự định theo học sau đại học với toan tính có bằng cấp cao để dễ bề tiến thân mà không phải vì thực sự đam mê nghiên cứu khoa học ngày càng nhiều. Nhiều người thú thật “chẳng phải họ ham học gì, mà là do không tìm được việc làm nên cứ tiếp tục học”. Thậm chí có người không quan tâm xem ngành học đó có phù hợp với sở thích hay năng lực của mình không, chỉ biết rằng đi học thạc sỹ và tiến sỹ sẽ có cơ may... đổi vận. Nhiều người thi vào sau đại học của các trường có chuyên môn không phù hợp nên phải học chuyển đổi. Đó là điều cần thiết. Nhưng điều đáng nói là số tiết học chuyển đổi đó có đủ để lấp lỗ hổng kiến thức cần có hay không? Đó còn chưa nói đến chuyện dạy không đủ tiết giảng quy định (3 môn học trong 2 ngày), học ít buổi. Việc

đại học cho các lớp sau đại học ở tỉnh liên kết còn tệ hơn. Có người đi dạy ngoài tỉnh đã tranh nghỉ ngơi luôn thể. Ở bậc cao học, sự dễ dàng bắt đầu ngay từ đầu vào. **Vào cao học chỉ phải thi 3 môn và chỉ cần đạt 15 điểm là đủ để trúng tuyển.** Kỳ thi đầu vào cao học của các trường thường cho kết quả trên 95% đậu. Kết quả thi tiếng Anh còn ấn tượng hơn. Thí sinh đã thi đều đạt từ 51 đến 93/100 điểm. Người viết xin được không bình luận về kết quả này! Rất nhiều người học sau đại học nhằm đạt “những tiêu chuẩn” để sắp xếp, bố trí vị trí công tác mà cơ quan, đơn vị đã bổ nhiệm. Theo học vì mục tiêu “giữ ghế” thì nguy cơ bằng thật học giả, học thuê và thuê – thuê học và lãng phí tiền ngân sách là khó tránh khỏi. Thực tế chất lượng đào tạo tiến sĩ ở Việt Nam hiện nay còn yếu là do ngoài nguyên nhân đầu tư cho đào tạo nghiên cứu sinh thấp, cơ sở vật chất, thiết bị thiếu thốn và lạc hậu, người hướng dẫn bị hạn chế về đề tài và nguồn kinh phí hỗ trợ cho nghiên cứu sinh trong quá trình làm luận án, ... thì còn một nguyên nhân khác đó là một số nghiên cứu sinh chạy theo tâm lý “chuộng” bằng cấp, không xuất phát từ nhu cầu cơ bản của đào tạo trình độ tiến sĩ để nghiên cứu khoa học, giảng dạy đại học.

2.3 Thực trạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long

Khu vực vùng ĐBSCL nằm ở cực nam của Việt Nam và nằm ở vị trí trung tâm của các nước Đông Nam Á (ASEAN). ĐBSCL tiếp giáp với Vương quốc Campuchia và tỉnh Tây Ninh về phía Bắc, Tp.HCM về phía Đông Bắc; biển Tây về phía Tây Nam và biển Đông về phía Đông và Đông Nam. ĐBSCL nằm ở vị trí chiến lược dọc hành lang kinh tế phía Nam của Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng, kết nối

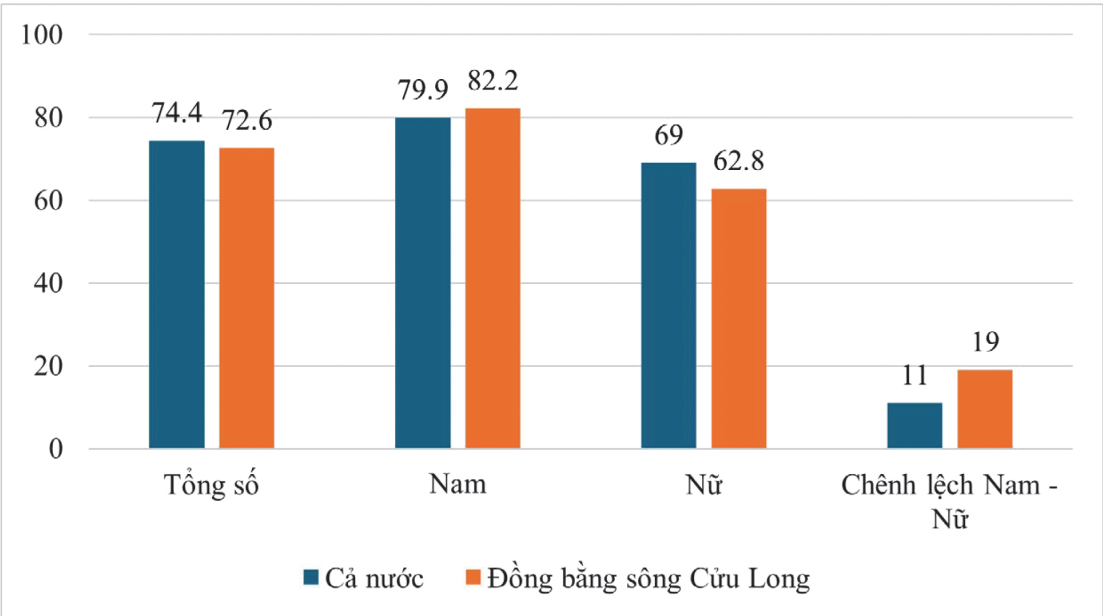
Việt Nam với Campuchia và Thái Lan. ĐBSCL có vùng biển rộng lớn, gần với Vịnh Thái Lan và Biển Đông, gần các tuyến hàng hải chính và kết nối với khu vực Đông Nam Á và thế giới. Trước và sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII năm 2021, các Nghị quyết của Đảng, Chính phủ, Quốc hội ban hành đều rất quan tâm đến phát triển vùng ĐBSCL, luôn khẳng định vai trò và vị trí chiến lược của vùng ĐBSCL trong sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Nghị quyết 13- NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến 2030, tầm nhìn đến 2045 thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Đảng, Nhà nước đối với Vùng. Đây là cơ sở chính trị quan trọng cho sự ra đời của các cơ chế, chính sách để khai thác và phát huy ở mức cao nhất các tiềm năng, lợi thế cho sự phát triển nhanh và bền vững toàn vùng và của các địa phương trong vùng trong thời gian tới. *Tuy nhiên, việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu tăng trưởng trong kỷ nguyên mới của vùng chưa ngang tầm, lực lượng lao động chưa qua đào tạo còn cao, vấn đề di cư lao động ròng khỏi vùng cao nhất cả nước, khả năng hấp thụ công nghệ trong sản xuất còn nhiều hạn chế.* Hiện nay, vấn đề dân số ở ĐBSCL đang là bài toán làm đau đầu các chuyên gia và các cơ quan quản lý bởi xu hướng già hóa tự nhiên trong vùng ngày càng ra tăng, thậm chí còn được khuếch đại bởi sự di cư ra khỏi khu vực. Các nhóm tuổi trong khoảng từ 20-29 đến 30-39 (năm 2019) nhỏ hơn nhiều so với các nhóm người tương tự mười năm trước đó (10-19 và 20-29 năm 2009). Điều này cho thấy, những người trẻ tuổi là những người chủ yếu rời khỏi khu vực. Ngoài ra, ĐBSCL là khu vực có tỷ lệ xuất cư cao nhất tại Việt Nam, với tỷ lệ xuất cư năm 2020 là 11,8 (Tổng cục Thống

kê, 2022). Các tỉnh An Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng và Cà Mau có tỷ lệ di cư ròng cao, còn TP Cần Thơ là trung tâm đô thị kinh tế của khu vực, cùng với Long An với các trung tâm công nghiệp gần TP. HCM do vậy hai tỉnh này tỷ lệ xuất cư thấp nhất ở khu vực ĐBSCL (Tổng cục Thống kê, 2022). Theo Tổng cục Thống kê, lực lượng lao động bao gồm những người đang làm việc và/hoặc thất nghiệp từ 15 tuổi trở lên. Năm 2020, lực lượng lao động ở ĐBSCL chiếm 18,04% so với tổng lực lượng lao động cả nước (tương ứng khoảng 9,8 triệu người) (Tổng cục Thống kê, 2021), tỷ lệ này đã giảm đáng kể so với năm 2005 (20,8%) và xu hướng có thể sẽ tiếp tục trong bối cảnh di cư kéo dài. Điều này cho thấy, phần lớn dân số ở ĐBSCL thuộc độ tuổi lao động, có thể tham gia lao động, cung cấp lực lượng lao động dồi dào không chỉ cho vùng ĐBSCL mà còn cho các vùng khác trong nước và các quốc gia khác. Lực lượng tham gia lao động trên quy mô dân số ở ĐBSCL có sự khác biệt đáng kể giữa nam và nữ, theo đó năm 2020, nam giới tham gia lực lượng lao động là 82,2% dân số thì nữ giới chỉ 62,8%, mức chênh lệch 19,4 điểm, trong khi mức này trong bình diện quốc gia là 10,9 (Tổng cục Thống kê, 2021). Mạng lưới các trường đại học và cao đẳng ở ĐBSCL bao gồm 45 trường, phân bố tương đối đồng đều trong khu vực, trong đó, có 17 trường đại học như Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học An Giang và Trường Đại học Đồng Tháp, Trường Đại học Y - Dược Cần Thơ, Trường Đại học Cửu Long, Trường Đại học Tiền Giang, Trường Đại học Bạc Liêu, v.v. và 28 trường cao đẳng (cao đẳng sư phạm, cao đẳng cộng đồng, cao đẳng đa ngành). Riêng thành phố Cần Thơ có 5 trường ĐH và 5 trường cao đẳng. Ít nhất mỗi tỉnh có 1 trường ĐH hoặc 1 trường cao đẳng, đặc biệt có những địa phương (như

Vĩnh Long) có tới 7 trường (3 trường ĐH và 4 trường cao đẳng). Cùng với việc xây dựng Trường Đại học Cần Thơ để trở thành một trường ĐH trọng điểm quốc gia về đào tạo đa ngành, ở ĐBSCL, sẽ có thêm nhiều trường ĐH và cao đẳng. Ngoài ra, với sự phát triển của Trường ĐHAG là thành viên ĐHQG- HCM sẽ phát huy sức mạnh hệ thống trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực.

ĐBSCL còn có 30 trường trung học chuyên nghiệp. Tất cả các trường ĐH, cao đẳng và trung học ở ĐBSCL kết hợp đào tạo khoảng 156.000 sinh viên (trong đó hơn 74% là sinh viên ĐH và cao đẳng), trung bình 85 sinh viên/10.000 dân (Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

2022). Hệ thống đào tạo ĐH và cao đẳng ở khu vực ĐBSCL vẫn còn kém phát triển và phải phụ thuộc rất lớn vào thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, một số trường ĐH, như Trường Đại học Cần Thơ, cũng có vai trò đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, cung cấp các nghiên cứu sau ĐH, đặc biệt là trong nông nghiệp và thích ứng với biến đổi khí hậu. Các trường ĐH này cũng thành lập các hình thức hợp tác khác nhau với các trường ĐH nước ngoài, đồng thời, có các chi nhánh, phân viện của nhiều trường ĐH từ thành phố Hồ Chí Minh. Trên thực tế, quá trình mở rộng mạng lưới các trường cao đẳng, đại học và viện nghiên cứu ở các tỉnh, thành phố ĐBSCL, phục vụ nhu cầu trực tiếp cho cải thiện kinh tế - xã hội cho địa phương.

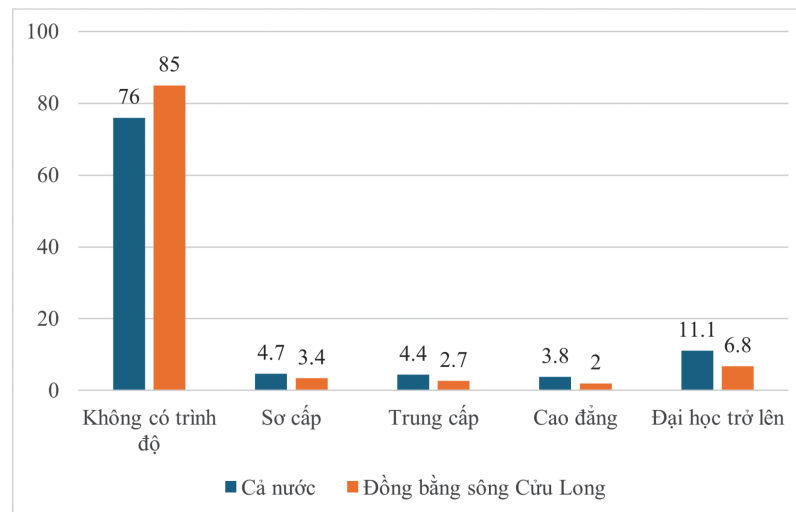


Hình 1: Lực lượng lao động ở ĐBSCL năm 2020 tính theo phần trăm so với dân số

Nguồn: Niên giám thống kê, Tổng cục Thống kê 2021

Ngoài ra, kết quả khảo sát về tình trạng lao động việc làm năm 2020 (vừa công bố đầu năm 2022) cũng cho thấy, hầu hết lực lượng lao động ở ĐBSCL không có trình độ kỹ thuật (82%), chiếm tỷ lệ cao nhất so với cả nước. Tỷ lệ lực lượng lao động có trình độ đại học và

cao đẳng là thấp nhất trong cả nước (chỉ 6,8%). Do đó, lực lượng lao động ở ĐBSCL được xếp ở nhóm lao động không có kỹ năng và không có trình độ chuyên môn cao. Cũng như ở các vùng khác, tỷ lệ này ở khu vực nông thôn cao hơn ở khu vực thành thị (88,6% và 74,3%).



Hình 2: Biểu đồ so sánh cơ cấu lực lượng lao động theo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vùng ĐBSCL với cả nước

Nguồn: Niên giám thống kê, Tổng cục Thống kê

3. Kết quả đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại Việt Nam nói chung và ở trường Đại học Cửu Long nói riêng trong thời gian qua

3.1 Với kết quả đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại Việt Nam

Tại Việt Nam, yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao đã được Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức từ khá sớm, kể từ đại hội lần thứ VI năm 1986. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhận thức trên càng được đề ra một cách cụ thể. Tại Đại hội XI (năm 2011), Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ: “Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững”. Quan điểm này đánh dấu bước phát triển trong nhận thức về vai trò của nhân tố con người trong chiến lược phát triển nhanh và bền vững, coi phát

triển nguồn nhân chất lượng cao là một trong ba khâu đột phá của chiến lược phát triển đất nước trong thời kỳ mới. Từ những chủ trương trên, đến nay, nguồn nhân lực của Việt Nam đã có những bước chuyển mạnh mẽ. So với các nước trong khu vực và thế giới, Việt Nam có lực lượng lao động dồi dào. Năm 2021, tổng dân số Việt Nam là 98,51 triệu người, trong số này, có 50,5 triệu người đang ở độ tuổi lao động, chiếm tới 67,7% dân số. Tỷ trọng dân số tham gia lực lượng lao động ở nhóm tuổi từ 25-29 là cao nhất. Chất lượng nguồn nhân lực ở Việt Nam cũng đã có sự cải thiện đáng kể. Theo Ngân hàng Thế giới, chỉ số vốn nhân lực (HCI) của Việt Nam đã tăng từ 0,66 lên 0,69 trong 10 năm 2010 - 2020. Chỉ số vốn nhân lực của Việt Nam tiếp tục cao hơn mức trung bình của các nước có cùng mức thu nhập mặc dù mức chi tiêu công cho y tế, giáo dục và bảo trợ xã hội thấp hơn. Việt Nam là một trong những nước ở khu vực Đông Á - Thái Bình Dương có điểm cao nhất về chỉ số vốn nhân lực. Theo Tổng cục Thống kê, tỷ lệ lao động qua đào tạo ở Việt Nam từ 40% năm

2010 lên 65% năm 2020, tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc đã qua đào tạo liên tục tăng lên qua các năm, từ 15,4% vào năm 2011 đã tăng lên 24,1% vào năm 2021. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo tăng lên, làm cho chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam không ngừng được cải thiện. Thế nhưng, con số đạt chất lượng cao, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu sử dụng của các doanh nghiệp lớn vẫn còn hạn chế. Chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam đang ở mức thấp trong bậc thang quốc tế, không đủ lao động có chuyên môn, tay nghề cao. Mặc dù tỷ lệ lao động đã qua đào tạo tăng lên, nhưng tốc độ tăng rất chậm, từ năm 2011, tỷ lệ này là 15,4% thì đến năm 2020, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo mới chỉ đạt 24,1%, với tốc độ tăng bình quân trong giai đoạn chỉ tầm 5%/năm. Trong khi đó, nếu so sánh với các quốc gia ngay trong khu vực, thì tỷ lệ này ở Indonesia là 42%, ở Malaysia con số này lên đến 66,8%. *Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, số lượng sinh viên tốt nghiệp các ngành kỹ thuật, công nghệ thông tin, và quản lý tăng trung bình 10-15% mỗi năm.* Các chương trình đào tạo quốc tế, hợp tác với các trường đại học và tổ chức giáo dục nước ngoài cũng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và cung cấp thêm nhân lực chất lượng cao cho thị trường. *Theo số liệu từ Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, trong năm 2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 27-27,5%.* Tính đến quý I năm 2023, cả nước có khoảng 51,2 triệu lao động, trong đó tỷ lệ lao động trong các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 35%, công nghiệp và xây dựng chiếm 28%, và dịch vụ chiếm 37%. Chất lượng nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế, khi tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt khoảng 28%, nhưng chỉ có 10% có trình độ đại học trở lên. Trong đó số lượng lao động

làm việc trong các doanh nghiệp FDI khoảng 4,8 triệu người, chiếm khoảng 10% tổng lực lượng lao động của cả nước, tập trung chủ yếu ở các ngành sản xuất chế tạo (khoảng 60%), tiếp theo là các ngành dịch vụ và công nghệ thông tin. Tuy nhiên trong đó chỉ có khoảng 15% lao động trong các doanh nghiệp FDI có trình độ đại học trở lên. Khoảng 50% lao động đã qua đào tạo nghề hoặc có chứng chỉ chuyên môn kỹ thuật.

3.2 Kết quả đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở trường Đại học Cửu Long

Sau 13 năm đào tạo bậc đại học thì đến năm 2013 trường Đại học Cửu Long đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh trình độ thạc sĩ và lần lượt tiếp theo các năm: 2014 đào tạo thạc sĩ ngành Kỹ thuật Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, năm 2015 đào tạo thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng, năm 2016 đào tạo thạc sĩ ngành Văn học Việt Nam. Trong năm 2018 trường đang làm đề án để xin phép Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo Tiến sĩ ngành Quản trị Kinh doanh. Đến năm 2021 đào tạo thạc sĩ ngành Công nghệ thực phẩm và năm 2022 đào tạo thạc sĩ ngành Luật kinh tế.

Trải qua 5 năm đào tạo Sau đại học (2013-2017) công tác đào tạo Sau đại học của trường đã bám sát và triển khai có hiệu quả sự lãnh đạo và chỉ đạo của Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu trường cũng như sự quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong quá trình đào tạo Sau đại học để chất lượng đào tạo Sau đại học của trường đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

Trường Đại học Cửu Long ngay từ ban đầu đã khẳng định rằng chất lượng đào tạo là một trong những yếu tố quyết định đến việc

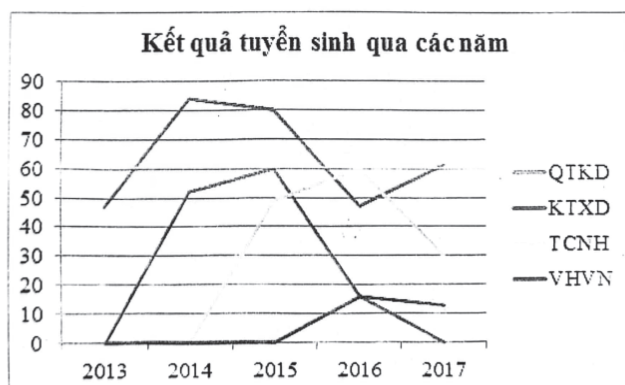
tạo ra thương hiệu của một trường đại học, vì thế trường Đại học Cửu Long không ngừng cập nhật chương trình đào tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị, đổi mới phương pháp đào tạo, mời giảng viên có học hàm, học vị, có chuyên môn cao tham gia vào quá trình đào tạo.

Hàng năm trường tuyển sinh cao học 2 đợt, đợt 1 vào tháng 7 và đợt 2 tháng 11, công tác tuyển sinh nhà trường đều thực hiện đúng theo các qui định và quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đều báo cáo tình hình công tác tuyển sinh đến Vụ Giáo dục đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

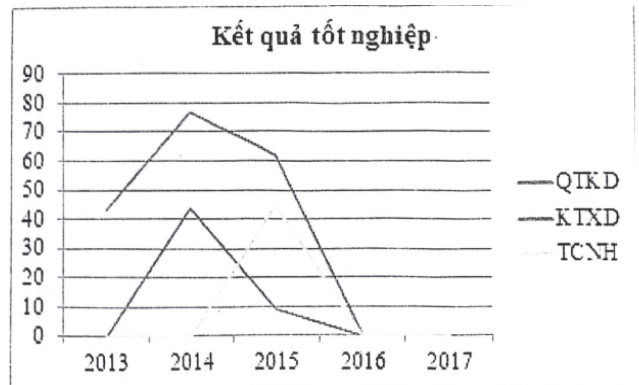
- Về quy mô đào tạo: Trong 5 năm đào tạo thì số lượng học viên của mỗi ngành đào tạo các bảng như sau:

Bảng 1: Kết quả tuyển sinh qua các năm

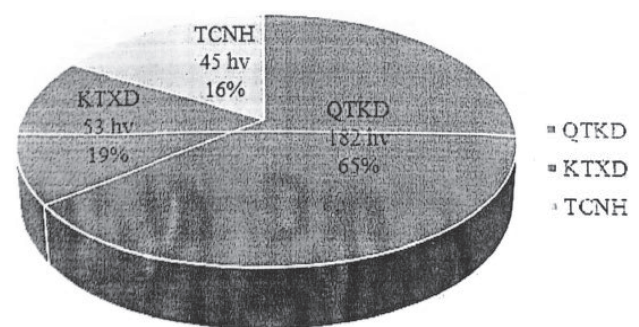
Năm \ Ngành	QTKD	KTXD	TCNH	VHVN	TỔNG
2013	47	0	0	0	47
2014	84	52	0	0	136
2015	80	60	49	0	149
2016	47	16	60	16	139
2017	61	0	30	13	104
TỔNG	329	128	139	29	6015



Bảng 2: Kết quả tốt nghiệp qua các năm



Số lượng học viên tốt nghiệp



Bảng 3: Thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp Thạc sĩ từ năm 2013 (bắt đầu đào tạo cho đến năm 2024), kết quả đạt được khá tốt như sau:

STT	NGÀNH	TỔNG SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
1	Quản trị kinh doanh	683
2	Kỹ thuật xây dựng	115
3	Tài chính ngân hàng	223
4	Văn học Việt Nam	88
5	Công nghệ thực phẩm	11
6	Luật kinh tế	8
Tổng		1128

4/ Các giải pháp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời gian tới

Một là, tham gia với các cơ sở giáo dục – đào tạo khác quan tâm đào tạo nguồn nhân

lực trong sinh viên, học viên cao học về trình độ chuyên môn nhất là trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ, có ý thức, trách nhiệm cao của các học viên đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội vùng miền Tây Nam bộ và đất nước.

Hai là, tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện sách giáo khoa, giáo trình (Trường ĐHCL) và chế độ thi cử ở các cấp học cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Ba là, chú trọng đào tạo, đào tạo lại đội ngũ giáo viên theo lộ trình đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo.

Bốn là, tăng cường đầu tư cho giáo dục, đào tạo bằng nhiều nguồn khác nhau, trong đó đầu tư từ ngân sách nhà nước tăng lên, và huy động được các nguồn đầu tư từ trong dân và ngoài xã hội (Đối với trường Đại học Cửu Long là trường tự thực hoạt động theo cơ chế tự thu, tự chi).

Năm là, đa dạng hóa các loại hình đào tạo (chính quy, từ xa và vừa làm vừa học) đi đôi với nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu của địa phương, xã hội,...

Sáu là, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, và trang thiết bị hiện đại đảm bảo cho hoạt động giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực miền Tây Nam bộ, và cả nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục Đại học Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020 đã đề ra 6 mục tiêu cơ bản.
- [2] Nghị quyết Đại hội XI (năm 2011) của Đảng ta nhấn mạnh “Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển nhanh, bền vững đất nước”
- [3] Nghị quyết Đại hội XII (năm 2016) của Đảng tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng nguồn nhân lực chất lượng cao, thông qua quan điểm “công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn tới”
- [4] Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng “có chính sách đột phá, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục đại học”.
- [5] Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.
- [6] Báo cáo tổng kết năm học của trường Đại học Cửu Long 2019 – 2020 và phương hướng năm học 2020 – 2021; Báo cáo tổng kết năm học 2020 – 2021 và phương hướng năm học 2021 – 2022; Báo cáo tổng kết năm học 2023 – 2024.
- [7] <https://kinhtevadubao.vn/apicenr@/print-ritclex/=29034>, truy cập ngày 19/11/2024
- [8] Tạp chí Công Thương – các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, số 7 tháng 4 năm 2024 “Nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay và những vấn đề đặt ra”
- [9] Niên giám thống kê, Tổng cục Thống kê 2021.
- [10] Tạp chí Chính trị và Phát triển, “Vai trò nguồn nhân lực chất lượng cao đối với quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam” <https://chinhtrivaphattrien.vn/vai-tro-nguon-nhan-luc-chat-luong-cao-doi-voi-qua-trinh-chuyen-doi-mo-hinh-tang-truong-kinh-te-o-vung-kinh-te-trong-diem-phia-nam-a8231.html>, truy cập ngày 19/11/2024